

Số: 975 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 15 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực
giáo dục nghề nghiệp, bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết
của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội được ban hành tại Quyết định số 1362/QĐ-LĐTBXH ngày 13/10/2016 và Quyết định số 1593/QĐ-LĐTBXH ngày 10/10/2017;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 74/TTr-SLĐTBXH-VP ngày 09/5/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 12 thủ tục hành chính mới ban hành trong các lĩnh vực: Giáo dục nghề nghiệp 01 thủ tục, bảo trợ xã hội 11 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ 12 thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo trợ xã hội tại Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s. Anh

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC-Văn phòng Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *Phan Đình Phùng*



Phan Đình Phùng

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ BẢO TRỢ XÃ HỘI
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 935 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I.	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp					
1	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	- Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp. - Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTĐ-BXH-BGDĐT-BTC ngày 16/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - TBXH, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ	Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 1362/QĐ-LĐTĐ-BXH ngày 13/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - TBXH
II.	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội					
1	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội	



2	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	-Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 1593/QĐ-BLĐTĐ ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động -TBXH
3	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	
4	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	
5	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	
6	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	15 ngày làm việc		Không	
7	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp	15 ngày làm việc		Không	

8	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	32 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	-Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội	
9	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	-Tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp. Các thủ tục, hồ sơ phải hoàn thiện trong 10 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận đối tượng. Trường hợp kéo dài quá 10 ngày làm việc, phải do cơ quan quản lý cấp trên xem xét quyết định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	-Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội	Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 1593/QĐ-BLĐTBXH ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động -TBXH 
10	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Theo thỏa thuận		Không		
11	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	07 ngày làm việc		Không		

B. Danh mục thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội			
1	T-PYE-274059-TT	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
2	T-PYE-274060-TT	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội.	
3	T-PYE-274061-TT	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội.	
4	T-PYE-274070-TT	Cấp giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật, người cao tuổi thuộc trách nhiệm quản lý cấp huyện.	
5	T-PYE-274071-TT	Cấp lại giấy phép chăm sóc người khuyết tật, người cao tuổi thuộc trách nhiệm quản lý cấp huyện.	
6	T-PYE-274648-TT	Thành lập cơ sở bảo trợ xã hội công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.	
7	T-PYE-274072-TT	Thành lập cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.	
8	T-PYE-274073-TT	Giải thể cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền thành lập của Ủy ban nhân dân cấp huyện.	
9	T-PYE-274074-TT	Thay đổi tên gọi, trụ sở, giám đốc, quy chế hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền thành lập của Ủy ban nhân dân cấp huyện.	
10	T-PYE-274075-TT	Thành lập Trung tâm cộng tác xã hội công lập.	
11	T-PYE-274076-TT	Giải thể Trung tâm cộng tác xã hội công lập.	
12	T-PYE-274077-TT	Thay đổi tên gọi, trụ sở làm việc của Trung tâm cộng tác xã hội công	